

Bản án số: 984/2022/HS-PT  
Ngày 29 tháng 12 năm 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Thanh Dũng

*Các Thẩm phán:* Ông Phan Tô Ngọc

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai phần dân sự trong vụ án hình sự thụ lý số 574/2022/TLPT-HS ngày 17 tháng 8 năm 2022; Do có kháng cáo của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2022/HSST ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**- Nguyên đơn dân sự có kháng cáo:**

1/. Bà Lê Thị L, sinh năm 1969 và ông Phó Đức Th, sinh năm 1968; Cùng địa chỉ: Đường Ch, Phường 8, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (bà L có mặt, ông Th vắng mặt)

2/. Bà Đặng Thị H1, sinh năm 1972; Địa chỉ: Trung tâm Đô thị CL, Phường 10, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L, ông Th, bà H1:*

+ Luật sư Vũ Anh Th - Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu. (có mặt)

+ Luật sư Huỳnh Thị Thu L - Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt)

3/. Ông Trần Hữu V, sinh năm 1954 và bà Lê Thị Minh Ng, sinh năm 1962; cùng trú tại đường 30/4, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông V:* Luật sư Phạm Duy H - Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt)

4/. Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1981; trú tại đường L, Phường 10, thành

phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt)

5/. Ông Phạm Văn Nh, trú tại khu nhà ở tập thể L1, Thanh Hóa, ủy quyền cho Nguyễn Anh T.

6/. Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1982; trú tại đường Tr, Phường 1, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; ủy quyền cho Nguyễn Anh T.

- **Bị đơn dân sự:** Bà Phan Thị H, sinh năm 1987 tại Nghệ An.

HKTT: đường H, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:** Bà Bùi Bích H2 và ông Lương Văn Ch, cùng địa chỉ: đường L1, Phường 9, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (ông Ch có mặt, bà H2 vắng mặt)

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có nghề nghiệp, nợ nần tiền bạc của nhiều người nên để có tiền tiêu xài và trả nợ, từ năm 2014 đến tháng 5/2015, Phan Thị H đã thực hiện các hành vi gian dối như: Tự trang bị đồng phục công sở có logo VBank cài áo, giới thiệu bản thân là nhân viên Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (viết tắt là VBank) có khả năng và điều kiện mua - bán nhà đất đang bị ngân hàng phát mãi với giá rẻ hơn giá thị trường; mua và sử dụng con dấu giả, thuê Đỗ Thị Kim Ng (là người làm nghề kinh doanh dịch vụ tin học văn phòng, in ấn tài liệu) tạo ra hồ sơ tài liệu giả mạo bằng thiết bị công nghệ tin học văn phòng rồi sử dụng để lừa dối chiếm đoạt tiền của người khác thông qua các giao dịch chuyển nhượng nhà đất, góp vốn cùng mua đất, xin việc làm.... Cụ thể:

1/. *Vụ thứ 1: Chiếm đoạt tiền của gia đình bà Lê Thị L, Phó Đức Th 3.024.000.000 đồng:*

Biết bà L, ông Th có nhu cầu mua đất nên H đã đưa ra thông tin gian dối là VBank nơi H công tác đang phát mãi lô đất của bà Nguyễn Thị C có diện tích 270,3m<sup>2</sup> thửa số 287, tờ bản đồ số 41 tại Khu A, Phường 2, thành phố V. Bà L, ông Th tin tưởng là thật nên đồng ý mua và đã giao tiền để H chiếm đoạt. Tổng số tiền H đã chiếm đoạt của bà L - ông Th là 3,024 tỷ đồng.

Kết quả điều tra xác định H đã sử dụng số tiền này như sau:

- Trả nợ vay S BR-VT số tiền 634,404 triệu đồng.
- Chuyển đến ông Trần Trường S, số tiền 723 triệu đồng.
- Chuyển đến bà Mai Đình Thục Ng1, số tiền 500 triệu đồng.
- Chuyển đến ông Đỗ Chung K, số tiền 170 triệu đồng.
- Chuyển đến ông Nguyễn Anh T, số tiền 80 triệu đồng .
- Chuyển đến ông Phạm Văn Nh, số tiền 308,5 triệu đồng.

- Chuyển đến ông Trần Hữu V, số tiền 550 triệu đồng.

Cơ quan điều tra đã ra làm việc với các chủ thể có tên trên, giải thích rõ số tiền H chuyển là tài sản do phạm tội mà có, đồng thời ra các Quyết định thu giữ số tiền để xử lý, giải quyết theo quy định.

Kết quả:

- Bà Mai Đình Thục Ng1 giao nộp số tiền 500 triệu đồng;
- Ông Đỗ Chung K giao nộp lại 170 triệu đồng.

Cơ quan CSĐT Công an TP V đã thu giữ, ra Quyết định số 56 ngày 03/6/2015 xử lý trả lại số tiền trên (670 triệu đồng) cho bà L, ông Th theo quy định (BL 635 đến 642).

- S BR-VT đã giao nộp lại 634,404 triệu đồng. Cơ quan CSĐT (PC44) Công an tỉnh BR-VT đã thu giữ, ra Quyết định số 04 ngày 30/9/2015 xử lý trả lại số tiền trên cho bà L, ông Th.

Ngoài ra, trước khi khởi tố, H đã khắc phục cho bà L bằng cách gán trả chiếc xe mô tô hiệu Honda SH Mode biển số 72C1-526.48 trị giá theo thỏa thuận là 40 triệu đồng.

Các ông Nguyễn Anh T, Phạm Văn Nh, Trần Trường S, Trần Hữu V qua làm việc đã thừa nhận sự việc, cam kết giao nộp lại số tiền đang chiếm giữ, nhưng quá trình điều tra vẫn chưa giao nộp.

Số tiền đã thu hồi, trả lại cho bà L, ông Th là 1.344.404.000 đồng, số tiền chưa thu hồi được là 1.679.596.000 đồng (trong đó, phải thu hồi lại của ông T là 80 triệu đồng, của ông Nh là 308,5 triệu đồng, của ông S là 723 triệu đồng, của ông V là 550 triệu đồng), số tiền còn lại 18 triệu đồng H tiêu xài hết nên quá trình điều tra không thu hồi được.

2/. Vụ thứ hai: Chiếm đoạt tiền của gia đình bà Đặng Thị H1 850 triệu đồng:

Ngày 11/5/2015, H đưa thông tin gian dối là Ngân hàng VBank nơi H công tác đang phát mãi 01 lô đất diện tích 79,91m<sup>2</sup>, thửa 23, tờ bản đồ 61 tại khu Đại An, Phường 9, thành phố V với giá rẻ và rủ bà H1 góp vốn mua chung, bà H1 tin tưởng là thật nên chuyển cho H 450 triệu đồng tiền mặt.

Ngày 18/5/2015, Hường tiếp tục rủ bà H1 góp vốn mua chung. Bà H1 tưởng là thật nên đồng ý mua, đã góp cho H 400 triệu đồng bằng cách giao cho H 100 triệu đồng tiền mặt và nhờ cháu là bà Lê Thị L chuyển 300 triệu đồng vào tài khoản 0081000946867 của H tại V1B BR-VT.

Tổng số tiền H đã chiếm đoạt của gia đình bà H1 là 850 triệu đồng. Kết quả điều tra xác định H đã sử dụng số tiền này như sau:

- H đã trả cho bà H1 202 triệu đồng.
- Chuyển đến ông Nguyễn Anh T, số tiền 200 triệu đồng.
- Chuyển trả vợ chồng bà Bùi Bích H2 - Lương Văn Ch số tiền 400 triệu đồng.

Số tiền còn lại, H tiêu xài hết nên quá trình điều tra không thu hồi được.

Cơ quan điều tra đã ra làm việc với ông Anh T, vợ chồng bà Bùi Bích H2, Lương Văn Ch giải thích rõ số tiền H chuyển là tài sản do phạm tội mà có, đồng thời ra các Quyết định thu giữ số tiền để xử lý, giải quyết theo quy định, nhưng ông T, bà H2, ông Ch chưa giao nộp.

*3/. Chiếm đoạt tiền của gia đình bà Phan Thị Thu H3 890 triệu đồng:*

H biết bà Phan Thị Thu H3 có nhu cầu mua đất nên tạo dựng thông tin gian dối là ngân hàng VBank nơi H công tác đang phát mãi lô đất với giá 782 triệu đồng, nếu mua thì phải nộp 80% giá trị. Bà H3 đồng ý mua nhưng yêu cầu phải làm hợp đồng chuyển nhượng hoặc văn bản cam kết của Ngân hàng thì mới giao tiền.

Ngày 14/4/2015, H thuê Ngân làm giả một “Bản cam kết” của VBank BR-VT có dấu và chữ ký giám đốc Huỳnh Công L nội dung đang làm thủ tục bán cho bà H3 lô đất với giá 782 triệu đồng giao cho bà H3. Tin tưởng là thật nên bà H3 đã giao cho H số tiền 620 triệu đồng (80% giá trị lô đất), H viết tay giấy biên nhận tiền. Ngày 20/4/2015, bà H3 giao tiếp cho H số tiền là 162 triệu đồng (20% giá trị lô đất).

Ngày 07/5/2015, H báo bà H3 biết lô đất có diện tích là 148m<sup>2</sup>, trong đó có 70m<sup>2</sup> đất thổ cư; nếu muốn chuyển toàn bộ đất sang thổ cư thì phải đóng số tiền là 108 triệu đồng. Tin tưởng là thật, bà H3 giao tiếp cho H số tiền 108 triệu đồng nhưng không yêu cầu H viết giấy biên nhận tiền.

Đến ngày 23/5/2015, bà H3 mang giấy biên nhận hồ sơ đến UBND TP. Vũng Tàu thì bộ phận tiếp nhận trả kết quả hồ sơ xác định giấy biên nhận là giả nên thu giữ bản gốc giao nộp Công an để làm rõ sự việc.

Như vậy, H đã chiếm đoạt của gia đình bà H3 số tiền 890 triệu đồng, H tiêu xài hết nên quá trình điều tra không thu hồi được.

*4/. Chiếm đoạt tiền của gia đình ông Nguyễn Quang Th 650 triệu:*

H đưa ra thông tin gian dối là bản thân đang công tác tại Phòng quan hệ khách hàng thuộc VBank và ngân hàng đang phát mãi lô đất với giá 1,3 tỷ đồng đề nghị góp vốn mua chung. Sau khi được H dẫn đi xem lô đất thì ông Th - bà S tin tưởng là thật nên đồng ý góp vốn mua chung.

Ngày 17/4/2015, bà S đã chuyển cho H số tiền 350 triệu đồng.

Ngày 24/4/2015, ông Th chuyển cho H 300 triệu đồng.

Như vậy, H đã chiếm đoạt của gia đình ông Th - bà S số tiền 650 triệu đồng, H tiêu xài hết nên quá trình điều tra không thu hồi được.

*5/. Chiếm đoạt tiền của gia đình ông Đỗ Chung K, bà Nguyễn Thị Th 1.428.000.000 đồng:*

H đặt vấn đề vay tiền thì ông K - bà Th đồng ý. Hai bên đã lập, ký Hợp đồng vay tiền số tiền 200 triệu đồng được Văn phòng công chứng T chứng thực.

Cũng trong tháng 11/2014, H đưa ra thông tin gian dối sẽ xin việc cho bà Th vào làm tại Phòng quan hệ khách hàng cá nhân thuộc VBank với giá 100 triệu

đồng. Vợ chồng ông K - bà Th đã chuyển giao cho H 100 triệu đồng nhờ H xin việc làm cho bà Th.

Ngày 22/01/2015, H đưa ra thông tin gian dối mượn ông K - bà Th số tiền 168 triệu đồng. Ông K - bà Th đã giao cho H 168 triệu đồng.

Ngày 16/03/2015, H đưa ra thông tin gian dối ngân hàng đang phát mãi đất. Ông K - bà Th tưởng là thật nên đồng ý mua nên đã chuyển cho H số tiền 740 triệu đồng. Ngày 03/04/2015, ông K chuyển thêm cho H nhiều lần với số tiền 220 triệu đồng.

Ngày 13/05/2015, H và ông K - bà Th thống nhất chuyển số tiền H vay 200 triệu đồng tính vào tiền góp vốn mua lô đất.

Sau thời gian chờ đợi không thấy kết quả chuyển nhượng đất và bà Th vẫn chưa có việc làm nên ông K - bà Th đòi lại toàn bộ tiền. Ngày 14/05/2015, H dùng 170 triệu đồng là tiền chiếm đoạt của bà L - ông Th (bị hại trong Vụ 1) chuyển qua TK 0081000992845 của ông K tại VBank BR-VT. Cơ quan điều tra đã làm việc, giải thích và yêu cầu ông K giao nộp lại số tiền nhận từ H là tài sản do phạm tội mà có, ngày 28/5/2015 ông K đã giao nộp số tiền 170 triệu đồng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra để xử lý trả lại bà L - ông Th theo quy định (như đã nêu ở Vụ 1).

Như vậy, H chiếm đoạt của ông K - bà Th tổng số tiền là 1,428 tỷ đồng, H tiêu xài hết nên quá trình điều tra không thu hồi được.

*6/. Chiếm đoạt tiền của gia đình ông Trần Hữu V, Lê Thị Minh Ng 1.350.000.000 đồng.*

H đưa ra thông tin gian dối là VBank đang phát mãi lô đất, ông V - bà Ng tin tưởng nên đồng ý mua.

Ngày 25/12/2014, ông V - bà Ng đã giao cho H số tiền 500 triệu đồng, H viết giấy biên nhận.

Ngày 05/01/2015, ông V giao thêm số tiền 500 triệu đồng, H viết giấy biên nhận.

Ngày 04/02/2015, H yêu cầu ông V - bà Ng giao tiếp số tiền 300 triệu đồng để lấy Giấy CNQSD đất ra, H viết giấy biên nhận đã nhận đủ số tiền 1,3 tỷ đồng, đồng thời thu hồi lại 02 giấy biên nhận trước đó.

Ngày 05/3/2015, H tiếp tục đến nhà ông V - bà Ng mượn thêm số tiền 50 triệu đồng, đưa ra thông tin gian dối là để lo thủ tục lấy chủ quyền tại Tòa án.

Ngày 13/5/2015, H thuê Ngân làm giả mẫu “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BC970823”. Thấy thông tin trong GCNQSD đất không phù hợp, nghi là giấy giả, nên ông V - bà Ng không mua đất nữa, đòi lại tiền.

Ngày 15/05/2015, H dùng 550 triệu đồng tiền chiếm đoạt của bà L - ông Th chuyển trả cho ông V - bà Ng qua TK 0081000209947 của ông V tại V1B BR-VT (như đã nêu ở Vụ 1).

Như vậy, H đã chiếm đoạt của gia đình ông V - bà Ng tổng số tiền 1,35 tỷ đồng, H tiêu xài hết nên quá trình điều tra không thu hồi được.

*7/. Chiếm đoạt tiền của gia đình bà Hoàng Thị H4 640 triệu đồng.*

H đưa ra thông tin gian dối là VBank nơi H công tác đang phát mãi căn nhà với giá 813 triệu đồng. Sau khi được H dẫn đi xem nhà, bà H4 - ông D tin tưởng là thật nên đồng ý mua.

Ngày 15/5/2014, ông D cùng H đến Phòng Công chứng số 1 làm Hợp đồng vay tiền 300 triệu đồng nhưng thực chất đây là tiền bà H4 - ông D giao cho H để mua căn nhà trên.

Từ tháng 5 đến tháng 10/2014, bà H4 - ông D đã chuyển cho H số tiền 555 triệu đồng; đồng thời hỏi thúc H làm giấy tờ mua bán nhà nhưng H nại ra nhiều lý do để trì hoãn nên bà H4 - ông D quyết định không mua nữa, đòi lại tiền.

Tháng 11 và tháng 12/2014, H đã chuyển trả cho bà H4 540 triệu đồng, còn nợ lại số tiền 15 triệu đồng.

Sau đó, H tiếp tục nói với bà H4 - ông D là VBank đã ủy quyền cho H bán căn nhà với giá chỉ còn 640 triệu đồng. Tin tưởng là thật nên một lần nữa bà H4 - ông D đồng ý mua lại căn nhà trên.

Ngày 16/01/2015, ông D chuyển cho H số tiền 500 triệu đồng, H đưa hợp đồng chuyển nhượng nhà cho bà H4 - ông D ký.

Ngày 06/04/2015, ông D chuyển số tiền 105 triệu đồng cho H.

Các ngày 27 và 28/04/2015, ông D chuyển tiếp 60 triệu đồng cho H.

Như vậy, H đã chiếm đoạt của gia đình bà H4 - ông D số tiền 680 triệu đồng, H tiêu xài hết nên quá trình điều tra không thu hồi được.

*8/. Chiếm đoạt tiền của gia đình bà Đoàn Minh Tr 1.330.000.000 đồng:*

H đưa ra thông tin gian dối VBank BR-VT nơi H công tác đang phát mãi, đấu giá lô đất với giá 1,33 tỷ đồng, hoàn thành thủ tục ra giấy tờ 45 ngày. Sau khi được H dẫn đi xem đất, vợ chồng bà Tr tin tưởng là thật nên đồng ý mua.

Từ tháng 10 đến tháng 12/2014, vợ chồng bà Tr đã chuyển cho H 1,33 tỷ đồng vào tài khoản của H tại V1B.

Như vậy, H đã chiếm đoạt của gia đình bà Tr số tiền 1,33 tỷ đồng, H tiêu xài hết nên quá trình điều tra không thu hồi được.

*9/. Chiếm đoạt tiền của gia đình các ông Nguyễn Anh T và Phạm Văn Nh 666.200.000 đồng:*

Thông qua quan hệ xã hội, H quen biết ông Nguyễn Anh T và ông Phạm Văn Nh.

Ông T có người bạn là Nguyễn Ngọc H, trú tại TP. B, tỉnh Bắc Giang nhờ làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất thổ cư lô đất BB157256, diện tích 120m<sup>2</sup>, thửa 87, tờ bản đồ địa chính Phường 10, TP V nên gặp H nhờ làm hồ sơ và đã chuyển cho H số tiền 68,2 triệu đồng để đóng thuế. H đã làm xong hồ sơ giấy tờ theo yêu cầu, nhưng không đóng thuế mà ghi nợ 5 năm để chiếm đoạt luôn số tiền 68,2 triệu đồng (BL 254, 255; 277, 278).

Ngày 14/3/2014, H đưa ra thông tin gian dối có một lô đất số W972538 thửa đất số 265354289, diện tích 256m<sup>2</sup> đất nông nghiệp, tờ bản đồ số 98, Phường 10, TP V, chủ đất cần bán với giá 820 triệu đồng và rủ ông T góp vốn mua.

Do không đủ tiền nên ông T rủ thêm ông Phạm Văn Nh, thống nhất góp vốn mua chung ba người. Ông T đã chuyển cho H số tiền 290 triệu đồng, ông Nh đã chuyển cho H số tiền 308,5 triệu đồng.

Ngày 07/5/2015, ông T phát hiện các hợp đồng là giả, nên hủy giao dịch, đòi lại tiền.

H đã dùng 388,5 triệu đồng chiếm đoạt của bà L - ông Th (bị hại Vụ 1) chuyển trả ông Nh số tiền 308,5 triệu đồng, chuyển trả ông T 80 triệu đồng (như đã nêu ở Vụ 1).

H đã dùng 200 triệu đồng chiếm đoạt của bà H1 chuyển trả ông T (như đã nêu ở Vụ 2).

Như vậy, H đã chiếm đoạt của ông T tổng số tiền 358,2 triệu đồng (290 triệu đồng góp vốn mua đất + 68,2 triệu tiền thuế), và chiếm đoạt của ông Nh số tiền là 308,5 triệu đồng, H tiêu xài hết nên quá trình điều tra không thu hồi được.

*10/. Chiếm đoạt tiền của gia đình ông Nguyễn Ngọc H, Văn Công Th 500 triệu đồng:*

Đầu tháng 11/2014, H đưa ra thông tin gian dối VBank nơi H công tác đang phát mãi 01 lô đất với giá 1,34 tỷ đồng và rủ ông H góp vốn mua chung. Do không đủ tiền nên ông H rủ thêm ông Văn Công Th góp vốn mua chung ba người, trong đó: Ông H góp 500 triệu đồng, ông Th góp 500 triệu đồng, còn H góp 340 triệu đồng.

Ngày 27/11/2014, và 02/12/2014, ông H chuyển cho H số tiền 500 triệu đồng. Ngày 27/11/2014, ông Th chuyển cho H số tiền 500 triệu đồng. Ngày 27/12/2014, H - Th - H cùng làm hợp đồng góp vốn.

Đến tháng 04/2015, ông Th nghi ngờ H lừa đảo, nên đòi lại tiền góp vốn. H đã trả lại 500 triệu đồng cho ông Th. Như vậy, H đã chiếm đoạt của ông H số tiền 500 triệu đồng, H tiêu xài hết nên quá trình điều tra không thu hồi được.

*Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 691/2019/HS-PT ngày 13/11/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:*

Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm hình sự, hình phạt đối với bị cáo Phan Thị H.

Tuyên bố: Bị cáo Phan Thị H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b khoản 2 Điều 267; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm b, g khoản 1 Điều 48, Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Phan Thị H 18 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 02 năm tù về tội “*Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành chung là 20 (hai mươi) năm tù. Thời

hạn tù tình từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ 10 ngày (từ ngày 19/5/2015 đến ngày 28/5/2015).

Hủy phân trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng để điều tra, xét xử lại.

**Quá trình giải quyết lại vụ án và tại phiên tòa, các nguyên đơn dân sự có ý kiến trình bày:**

- Bà Lê Thị L, ông Phó Đức Th và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp trình bày:

Số tiền của vợ chồng bà Lê Thị L và ông Phó Đức Th bị lừa đảo chiếm đoạt là 1.679.596.000 đồng.

Ông Th, Bà L yêu cầu các ông bà đã nhận tiền từ bị cáo H từ số tiền đã lừa của vợ chồng ông Th, bà L phải trả lại số tiền đó. Cụ thể ông Nguyễn Anh T 80.000.000 đồng; ông Phạm Văn Nh 308.500.000 đồng; ông Trần Trường S 723.000.000 đồng; Ông Trần Hữu V 550.000.000 đồng và yêu cầu bị cáo H phải trả cho vợ chồng bà số tiền 18.096.000 đồng.

- Bà Đặng Thị H1 và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp trình bày:

Bị cáo H đã lừa đảo chiếm đoạt của bà H1 số tiền 850.000.000 đồng. Sau đó bị cáo H đã chuyển khoản tiền cho những người khác cụ thể: ông Nguyễn Tuấn Anh 200.000.000 đồng; Ông Ch và bà H2 400.000.000 đồng. Bị cáo H đã trả lại 202.000.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo H đã tiêu xài hết. Việc chuyển tiền này có sao kê ngay trong ngày bà H1 giao tiền cho bị cáo H.

Nay bà H1 yêu cầu thu hồi số tiền bị cáo đã đưa cho ông Nguyễn Anh T 200.000.000 đồng, bà Bùi Bích H2, ông Lương Văn Ch 400.000.000 đồng, bị cáo bồi thường số tiền còn lại 48.000.000 đồng để trả lại cho bà.

- Bà Phan Thị Thu H3 trình bày:

Số tiền bị cáo H đã lừa đảo và chiếm đoạt của bà là 890.000.000 đồng. Sau đó thì bị cáo đã chuyển tiền ngay trong ngày cho ông Nguyễn Hải C 600.000.000 đồng; Ông Tạ Quang L 150.000.000 đồng; bà Mai Đình Thục Ng1 100.000.000 đồng, còn lại bị cáo H đã tiêu xài hết. Những giao dịch chuyển khoản thì đều có sao kê ngay trong ngày bà chuyển tiền cho H. Vì vậy, bà yêu cầu những người đã nhận tiền thì phải chuyển trả lại, còn tiền bị cáo H đã tiêu xài cũng yêu cầu bị cáo H phải trả lại.

- Ông Nguyễn Quang Th, bà Mai Thị S trình bày:

Vợ chồng ông bà bị lừa là 650.000.000 đồng, trong đó bị cáo H đã chuyển cho bà Mai Đình Thục Ng1 300.000.000 đồng; ông Nguyễn Hải C 350.000.000 đồng. Nay ông bà yêu cầu Tòa giải quyết thu hồi số tiền trên trả lại cho ông bà.

- Ông Đỗ Chung K, bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Số tiền bị cáo H đã lừa đảo và chiếm đoạt của vợ chồng ông bà là 1.428.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, bị cáo H đã chuyển tiền nhiều lần cho bà Mai Đình Thục Ng1, ông Vũ Văn L1, ông Tạ Quang L, ông Phan Văn V1, ông Nguyễn Hải C. Các khoản tiền cụ thể đã được cơ quan điều tra sao kê và chứng cứ



rõ ràng. Vì vậy đề nghị Tòa truy thu số các số tiền bị cáo H đã chuyển cho những người khác, số tiền còn lại sau khi chuyển cho những người liên quan đề nghị bị cáo H phải trả lại.

- Ông Trần Hữu V, bà Lê Thị Minh Ng trình bày:

Số tiền vợ chồng ông bà bị lừa là 1.350.000.000 đồng. Vợ chồng ông bà có nhận lại 550.000.000 đồng của bị cáo H trả lại. Theo như kết quả điều tra thì số tiền 550.000.000 đồng này bị cáo H lấy từ số tiền đã lừa của ông Phó Đức Th và bà Lê Thị L. Vợ chồng ông bà đồng ý trả lại số tiền 550.000.000 đồng nhưng với điều kiện truy thu được số tiền bị cáo H đã lừa vợ chồng ông bà 1.350.000.000 đồng. Nếu không truy thu được số tiền này thì vợ chồng ông bà không đồng ý trả lại. Sau khi lừa đảo số tiền của ông bà thì bị cáo H đã chuyển cho bà Mai Đình Thục Ng1 793.000.000 đồng, ông Nguyễn Hải C 200.000.000 đồng, bà L1 200.000.000 đồng. Đề nghị Tòa truy thu và trả lại cho vợ chồng ông bà.

- Ông Mã Văn D trình bày:

Bị cáo H đã lừa đảo chiếm đoạt của vợ chồng ông bà số tiền 680.000.000 đồng; đến nay bị cáo H chưa trả cho vợ chồng ông bà đồng nào. Nay ông bà yêu cầu bị cáo H trả lại số tiền 680.000.000 đồng. Yêu cầu Tòa xem xét điều tra truy thu số tiền bị cáo H đã lừa đảo của ông bà, số tiền đã được chuyển cho những ai và bị cáo H tiêu xài bao nhiêu, đề nghị truy thu và trả lại.

- Ông Nguyễn Anh T trình bày:

Thời điểm ông nhận số tiền 280.000.000 đồng từ bị cáo H, ông không biết nguồn tiền từ đâu mà có, cũng không có chứng cứ chứng minh đây là tiền H thu lợi bất chính nên ông không nộp lại số tiền này. Ông yêu cầu bị cáo H phải trả cho ông số tiền đã chiếm đoạt còn lại.

Nếu trường hợp Tòa vẫn yêu cầu ông trả 280.000.000 đồng thì đề nghị Tòa và cơ quan điều tra điều tra số tiền của ông T đã chuyển cho H, thu hồi và trả lại cho ông T để từ đó ông T trả lại tiền cho bà L và bà H1.

Yêu cầu bị cáo H phải trả cho ông số tiền còn lại là 80.000.000đồng.

Đề nghị Tòa xem xét vai trò của Tạ Quang L và Mai Đình Thục Ng1 trong vụ án, đề nghị truy thu số tiền bị cáo H đã chuyển cho ông L và bà Ng1 để trả lại cho các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Ông Nguyễn Ngọc H trình bày: Số tiền bị cáo H đã lừa đảo của ông là 500.000.000 đồng. Cho đến nay bị cáo H chưa trả lại. Ông yêu cầu xem xét buộc những người được bị cáo H chuyển tiền từ việc lừa lấy tiền của vợ chồng ông phải trả lại tiền.

**Bị đơn dân sự bà Phan Thị H trình bày:**

Từ năm 2013, bà H có vay khoản tiền của bà Mai Đình Thục Ng1 và ông Tạ Quang L. Khoản vay chia làm nhiều lần và bà đã trả tiền gốc, lãi với số tiền rất lớn. Vì vay nợ nhiều nên bà đã lừa đảo tiền của các bị hại trong vụ án để trả tiền lãi và tiền gốc cho ông L và bà Ng1.

Nay bà H đề nghị Tòa điều tra làm rõ và thu hồi lại số tiền đã chuyển cho

ông L, bà Ng1 và những người liên quan khác để trả lại cho các bị hại. Khoản tiền còn lại bà H sẽ chịu trách nhiệm trả lại.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:***

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Mai Đình Thục Ng1, ông Bùi Đức Q trình bày:*

Các bị hại hầu hết đều cho rằng số tiền bị cáo H đã lừa đảo đều được chuyển cho bà Mai Đình Thục Ng1 và yêu cầu truy thu số tiền bị cáo H đã chuyển cho họ. Tuy nhiên tất cả cũng chỉ là lời khai của bị cáo H mà không có chứng cứ gì cụ thể. Còn việc bị cáo H có nợ tiền của bà Ng1 là có thật. Sau đó bị cáo H trả nợ cho bà Ng1 là chuyện bình thường, có nợ thì phải trả. Bị cáo lấy tiền từ đâu để trả thì không có chứng cứ gì chứng minh là lấy tiền từ các bị hại trong vụ án để trả. Vì vậy đề nghị Tòa không chấp nhận yêu cầu của các bị hại về việc truy thu số tiền bà Ng1 nhận từ bị cáo H.

- *Bà Bùi Bích H2 và ông Lương Văn Ch trình bày:*

Bà H2, ông Ch cũng là người bị H lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng không được xác định là bị hại trong vụ án. Không đủ căn cứ xác định số tiền 400.000.000 đồng H gửi trả cho vợ chồng ông bà là nguồn tiền do phạm tội mà có nên việc truy thu số tiền này để trả cho các bị hại là ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông bà. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Tạ Quang L, bà Nguyễn Hoàng Gia L trình bày:* Bị cáo H có vay tiền của ông L diễn ra kéo dài và vay nhiều lần từ năm 2013. Ông L cũng không liên quan gì trong việc làm ăn giữa bị cáo H và các bị hại. Đồng thời cũng không có chứng cứ gì chứng minh bị cáo H lấy tiền lừa của các bị hại để trả cho ông L. Vì vậy đề nghị Tòa không chấp nhận yêu cầu của các bị hại về việc truy thu số tiền ông L nhận từ bị cáo H.

- *Ông Phan Văn VI trình bày:* Thời điểm diễn ra vụ án thì ông và bà H là vợ chồng, tuy nhiên ông không biết và không liên quan đến số tiền mà bà H đã lừa của các bị hại. Đề nghị Tòa giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- *Ông Trần Trường S, ông Lê Trung C, ông Nguyễn Hải C vắng mặt, không có ý kiến đối với việc giải quyết vụ án.*

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2022/HS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:*

***1/. Về trách nhiệm dân sự:***

Căn cứ Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự;

Buộc Phan Thị H phải bồi thường, trả lại cho các bị hại với số tiền cụ thể như sau:

- Trả cho bà Lê Thị L và ông Phó Đức Th số tiền 2.984.000.000 đồng (*hai tỷ chín trăm tám mươi bốn triệu đồng*).

- Trả cho bà Đặng Thị H1 648.000.000 đồng (*sáu trăm bốn mươi tám triệu*

đồng).

- Trả cho bà Phan Thị Thu H3 890.000.000 đồng (*tám trăm chín mươi triệu đồng*).

- Trả cho ông Nguyễn Quang Th và bà Mai Thị S 650.000.000 đồng (*sáu trăm năm mươi triệu đồng*).

- Trả cho ông Đỗ Chung K và bà Nguyễn Thị Th số tiền 1.428.000.000 đồng (*một tỷ bốn trăm hai mươi tám triệu đồng*).

- Trả cho ông Trần Hữu V, bà Lê Thị Minh Ng 1.350.000.000 đồng (*một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng*).

- Trả cho bà Hoàng Thị H4, ông Mã Văn D số tiền 640.000.000 đồng (*sáu trăm bốn mươi triệu đồng*).

- Trả cho bà Đoàn Minh Tr số tiền 1.330.000.000 đồng (*một tỷ ba trăm ba mươi triệu đồng*).

- Trả cho ông Nguyễn Anh T 358.200.000 đồng (*ba trăm năm mươi tám triệu hai trăm ngàn đồng*); Trả cho ông Phạm Văn Nh 308.500.000 đồng (*ba trăm lẻ tám triệu năm trăm ngàn đồng*).

- Trả cho ông Nguyễn Ngọc H số tiền 500.000.000 đồng (*năm trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án ooph phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2/. *Biện pháp tư pháp*: Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự;

Thu hồi những khoản tiền là tài sản do phạm tội mà có để đảm bảo thi hành án, cụ thể:

- Buộc bà Lê Thị L và ông Phó Đức Th nộp lại số tiền 1.344.404.000 đồng (*một tỷ ba trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm lẻ bốn ngàn đồng*).

- Buộc ông Nguyễn Anh T phải nộp lại số tiền 280.000.000 đồng (*hai trăm tám mươi triệu đồng*).

- Buộc ông Phạm Văn Nh nộp lại số tiền 308.500.000 đồng (*ba trăm lẻ tám triệu năm trăm ngàn đồng*).

- Buộc ông Trần Trường S phải nộp lại số tiền 723.000.000 đồng (*triệu đồng*).

- Buộc ông Trần Hữu V phải nộp lại số tiền 550.000.000 đồng (*năm trăm năm mươi triệu đồng*).

- Buộc ông Lương Văn Ch và bà Bùi Bích H2 phải nộp lại số tiền 400.000.000 đồng (*bốn trăm triệu đồng*).

3/. *Về các giao dịch dân sự khác*:

Đối với số tiền mà bị cáo đã vay mượn và trả cho người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan trong vụ án thì giành quyền khởi kiện cho các bên trong một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 08/5/2022, ông Nguyễn Anh T, ông Phạm Văn Nh, ông Nguyễn Ngọc H kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 09/5/2022, bà Bùi Bích H2, ông Lương Văn Ch kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc bà H2, ông Ch trả lại số tiền 400.000.000 đồng.

Ngày 10/5/2022, bà Đặng Thị H1 kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Nguyễn Anh T giao nộp lại số tiền 200.000.000 đồng; buộc bà Bùi Bích H2, ông Lương Văn Ch giao nộp lại 400.000.000 đồng cho bà Đặng Thị H1; đồng thời buộc bị cáo Phan Thị H giao trả cho bà H1 số tiền 28.000.000 đồng.

Ngày 10/5/2022, bà Lê Thị L, ông Phó Đức Th kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Trần Trường S giao nộp số tiền 723.000.000 đồng; ông Nguyễn Anh T giao nộp số tiền 80.000.000 đồng; ông Phạm Văn Nh giao nộp lại số tiền 308.500.000 đồng; ông Trần Hữu V giao nộp số tiền 550.000.000 đồng để trả lại cho bà L, ông Th. Đồng thời đề nghị bị cáo Phan Thị H phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt của ông bà là 18.096.004 đồng.

Ngày 12/5/2022, ông Trần Hữu V, bà Lê Thị Minh Ng kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Anh T, ông Phạm Văn Nh, ông Nguyễn Ngọc H, ông Lương Văn Ch, bà Đặng Thị H1, bà Lê Thị L, ông Trần Hữu V, bà Lê Thị Minh Ng trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Người bảo vệ quyền lợi của bà L, ông Th, bà H1 trình bày:* Tòa sơ thẩm buộc bà L, ông Th nộp lại số tiền 1.344.404.000 đồng mà cơ quan điều tra đã bàn giao lại cho bà L, ông Th là không đúng vì đã chứng minh được đây là tiền do bị cáo H chiếm đoạt của bà L, ông Th. Bản án sơ thẩm không tuyên số tiền cụ thể để bà L, ông Th, bà H1 được bồi thường sau khi nộp lại tiền là không chính xác, không thi hành án được. Kết quả điều tra đã chứng minh được tiền chiếm đoạt của bà H1, bà L, ông Th thì bị cáo chuyển cho ông S, ông K, ông T, ông Nh, ông V.... Đây là tiền bị cáo chiếm đoạt, là tang vật của vụ án nên theo quy định pháp luật thì phải trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp của tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm về việc buộc bà L, ông Th nộp lại số tiền 1.344.404.000 đồng, buộc ông Trần Trường S giao nộp số tiền 723.000.000 đồng; ông Nguyễn Anh T giao nộp số tiền 80.000.000 đồng; ông Phạm Văn Nh giao nộp lại số tiền 308.500.000 đồng; ông Trần Hữu V giao nộp số tiền 550.000.000 đồng để trả lại cho bà L, ông Th; buộc ông T phải trả 200.000.000 đồng, bà H2, ông Ch phải trả 400.000.000 đồng cho bà H1.

*Ông Trần Hữu V trình bày:* Số tiền bị cáo H trả cho vợ chồng tôi, tôi không biết lấy từ đâu ra. Số tiền vợ chồng tôi cho H vay là do vay mượn và tích cóp được. Cơ quan điều tra không xác định được tiền H lấy của chúng tôi rồi chuyển cho ai là

không hợp lý. Tôi chỉ đồng ý trả lại cho bà H1 nếu truy thu được số tiền bị cáo H đã chiếm đoạt của tôi.

*Người bảo vệ quyền lợi cho ông V, bà Ng trình bày:* Đề nghị phải có mặt bị cáo H tham gia phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Về nội dung, bản án sơ thẩm tuyên như vậy là thiệt thòi cho ông V, bà Ng. Trong hồ sơ thể hiện có tang vật là điện thoại, sẽ chứa đựng nhiều thông tin để làm rõ tình tiết vụ án nhưng cơ quan điều tra bỏ qua không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại, làm rõ những vấn đề còn thiếu sót. Có nhiều lời khai bị cáo H xác định số tiền H chiếm đoạt của ông V, bà Ng chuyển cho ai nhưng cấp sơ thẩm không xem xét để buộc những người này nộp lại, khắc phục cho ông V, bà Ng.

*Ông Nguyễn Anh T trình bày:* Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thu hồi số tiền bị cáo H chiếm đoạt của tôi, để tôi lấy tiền đó trả lại cho bà H1.

*Ông Lương Văn Ch trình bày:* Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên số tiền cụ thể các bị hại được bồi thường sau khi đã nộp lại.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà L, ông Th, bà H1; sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc bà L, ông Th nộp lại 1.344.404.000 đồng; buộc ông Nguyễn Tuấn Anh nộp lại 80.000 đồng, ông Phạm Văn Nh nộp lại 308.500.000 đồng, ông Trần Trường S nộp lại 723.000.000 đồng, ông Trần Hữu V nộp lại 550.000.000 đồng để trả cho bà L, ông Th; buộc ông Nguyễn Tuấn Anh nộp lại 200.000 đồng, ông Lương Văn Ch, bà Bùi Bích H2 nộp lại 400.000 đồng để trả cho bà Đặng Thị H1. Bác kháng cáo của Nguyễn Anh T, ông Phạm Văn Nh, ông Nguyễn Ngọc H, bà Bùi Bích H2, ông Lương Văn Ch, ông Trần Hữu V, bà Lê Thị Minh Ng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Anh T, ông Phạm Văn Nh, ông Nguyễn Ngọc H, bà Bùi Bích H2, ông Lương Văn Ch, bà Đặng Thị H1, bà Lê Thị L, ông Phó Đức Th, ông Trần Hữu V, bà Lê Thị Minh Ng làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình điều tra xác định được Phan Thị H thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại cụ thể như sau:

- Chiếm đoạt tiền của gia đình bà Lê Thị L, ông Phó Đức Th 3.024.000.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt của bà L, ông Th, Phan Thị H trả nợ vay S BR-VT số tiền 634.404.000 đồng; chuyển cho ông Trần Trường S 723.000.000 đồng; chuyển cho bà Mai Đình Thục Ng1 500.000.000 đồng; chuyển cho ông Đỗ Chung K 170.000.000 đồng; chuyển cho ông Nguyễn Anh T 80.000.000 đồng; chuyển cho ông Phạm Văn Nh 308.500.000 đồng; chuyển cho ông Trần Hữu V 550 triệu đồng.

- Chiếm đoạt tiền của gia đình bà Đặng Thị H1 850 triệu đồng. Trong đó tiền này, H đã trả cho bà H1 202 triệu đồng; chuyển cho ông Nguyễn Anh T 200 triệu đồng; chuyển cho vợ chồng bà Bùi Bích H2, ông Lương Văn Ch 400 triệu đồng. Số tiền còn lại, H tiêu xài cá nhân.

- Chiếm đoạt tiền của gia đình bà Phan Thị Thu H3 890 triệu đồng. Chiếm đoạt tiền của gia đình ông Nguyễn Quang Th 650 triệu đồng. Chiếm đoạt tiền của gia đình ông Đỗ Chung K, bà Nguyễn Thị Th 1.428.000.000 đồng. Chiếm đoạt tiền của gia đình ông Trần Hữu V, Lê Thị Minh Ng 1.350.000.000 đồng. Chiếm đoạt tiền của gia đình bà Hoàng Thị H4 640 triệu đồng. Chiếm đoạt tiền của gia đình bà Đoàn Minh Tr 1.330.000.000 đồng. Chiếm đoạt tiền của gia đình các ông Nguyễn Anh T và Phạm Văn Nh 666.200.000 đồng. Chiếm đoạt tiền của gia đình ông Nguyễn Ngọc H, Văn Công Th 500 triệu đồng. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt của các bị hại này, Phan Thị H sử dụng cá nhân hết.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy, đối với khoản tiền Phan Thị H chiếm đoạt của bị hại, đã chuyển cho người khác là khoản tiền do phạm tội mà có nên căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, cần thu hồi để trả lại cho người bị hại.

Quá trình điều tra, bà Mai Đình Thục Ng1 đã nộp lại 500.000.000 đồng, ông Đỗ Chung K nộp lại 170.000.000 đồng, Ngân hàng S Bà Rịa – Vũng Tàu nộp lại 634.404.000 đồng là khoản tiền Phan Thị H chiếm đoạt của bà Lê Thị L, ông Phó Đức Th. Cơ quan điều tra trả lại cho bà L, ông Th 1.344.404.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà L, ông Th nộp lại số tiền này để thi hành án khoản bồi thường chung của Phan Thị H là chưa phù hợp với quy định pháp luật. Đối với ông Trần Trường S, ông Nguyễn Anh T, ông Phạm Văn Thuận, ông Trần Hữu V chưa nộp lại số tiền Phan Thị H đã chuyển từ nguồn tiền chiếm đoạt của bà L, ông Th thì cần tuyên buộc nộp lại để hoàn trả cho bà L, ông Th.

Tương tự, đối với bà Đặng Thị H1, trong khoản tiền Phan Thị H chiếm đoạt của bà H1, H đã chuyển cho ông Nguyễn Anh T 200 triệu đồng; chuyển cho vợ chồng bà Bùi Bích H2, ông Lương Văn Ch 400 triệu đồng nên cần buộc ông T, vợ chồng bà H2, ông Ch nộp lại số tiền này để hoàn trả cho bà Đặng Thị H1.

Đối với các bị hại khác, số tiền Phan Thị H chiếm đoạt đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết nên cần buộc Phan Thị H bồi thường thiệt hại cho những bị hại này.

Kháng cáo của bà Lê Thị L, ông Phó Đức Th, bà Đặng Thị H1 về xử lý vật chứng có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Đối với bà Bùi Bích H2, ông Lương Văn Ch kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm tuyên buộc bà H2 ông Ch nộp lại số tiền 400.000.000 đồng. Thấy rằng, kết quả điều tra xác định được sau khi nhận tiền từ bà Đặng Thị H1 thì Phan Thị H đã chuyển cho vợ chồng bà Bùi Bích H2, ông Lương Văn Ch 400 triệu đồng. Đây là tiền do phạm tội mà có nên cần buộc bà H2, ông Ch nộp lại để trả cho chủ sử dụng hợp pháp là bà H1 như đã phân tích tại mục [2.2].

[2.4] Đối với ông Nguyễn Anh T, ông Nguyễn Ngọc H, ông Phạm Văn Nh kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm nhưng nội dung đơn kháng cáo không xác

định rõ được cấp sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng; phần nội dung mà ông T, ông H, ông Nh không đồng ý với bản án sơ thẩm. Xét thấy, liên quan đến ông Nguyễn Anh T, ông Phạm Văn Nh, án sơ thẩm tuyên buộc ông T, ông Nh nộp lại số tiền nhận từ Phan Thị H do phạm tội mà có là đúng quy định pháp luật. Đối với ông Nguyễn Ngọc H, án sơ thẩm buộc Phan Thị H bồi thường số tiền 500.000.000 đồng đã chiếm đoạt cho ông H là có căn cứ; theo nội dung án sơ thẩm thì quyền lợi của ông H đã được giải quyết. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông T, ông H, ông Nh.

[2.5] Đối với ông Trần Hữu V, bà Lê Thị Minh Ng kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm cho rằng án sơ thẩm đã gây thiệt hại cho vợ chồng ông bà, thấy rằng trong số tiền Phan Thị H chiếm đoạt của bà Lê Thị L, ông Phó Đức Th thì H có chuyển cho ông Trần Hữu V 550.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông V phải nộp lại số tiền này là đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của ông Trần Hữu V, bà Lê Thị Minh Ng không có cơ sở chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Bích H2, ông Lương Văn Ch, ông Nguyễn Anh T, ông Nguyễn Ngọc H, ông Phạm Văn Nh, ông Trần Hữu V, bà Lê Thị Minh Ng; có căn cứ chấp nhận kháng cáo của của bà Lê Thị L, ông Phó Đức Th, bà Đặng Thị H1; sửa một phần bản án sơ thẩm về biện pháp tư pháp.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Lê Thị L, ông Phó Đức Th, bà Đặng Thị H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà Bùi Bích H2, ông Lương Văn Ch, ông Nguyễn Anh T, ông Nguyễn Ngọc H, ông Phạm Văn Nh, ông Trần Hữu V, bà Lê Thị Minh Ng phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Bích H2, ông Lương Văn Ch, ông Nguyễn Anh T, ông Nguyễn Ngọc H, ông Phạm Văn Nh, ông Trần Hữu V, bà Lê Thị Minh Ng. Chấp nhận kháng cáo của của bà Lê Thị L, ông Phó Đức Th, bà Đặng Thị H1.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2022/HS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về biện pháp tư pháp.

*1/. Về trách nhiệm dân sự:*

Căn cứ Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự;

Buộc Phan Thị H phải bồi thường cho các bị hại với số tiền cụ thể như sau:

- Bồi thường cho bà Lê Thị L và ông Phó Đức Th số tiền 2.984.000.000 đồng (hai tỷ chín trăm tám mươi bốn triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Đặng Thị H1 648.000.000 đồng (*sáu trăm bốn mươi tám triệu đồng*).

- Bồi thường cho bà Phan Thị Thu H3 890.000.000 đồng (*tám trăm chín mươi triệu đồng*).

- Bồi thường cho ông Nguyễn Quang Th và bà Mai Thị S 650.000.000 đồng (*sáu trăm năm mươi triệu đồng*).

- Bồi thường cho ông Đỗ Chung K và bà Nguyễn Thị Th số tiền 1.428.000.000 đồng (*một tỷ bốn trăm hai mươi tám triệu đồng*).

- Bồi thường cho ông Trần Hữu V, bà Lê Thị Minh Ng 1.350.000.000 đồng (*một tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng*).

- Bồi thường cho bà Hoàng Thị H4, ông Mã Văn D số tiền 640.000.000 đồng (*sáu trăm bốn mươi triệu đồng*).

- Bồi thường cho bà Đoàn Minh Tr số tiền 1.330.000.000 đồng (*một tỷ ba trăm ba mươi triệu đồng*).

- Bồi thường cho ông Nguyễn Anh T 358.200.000 đồng (*ba trăm năm mươi tám triệu hai trăm ngàn đồng*); bồi thường cho ông Phạm Văn Nh 308.500.000 đồng (*ba trăm lẻ tám triệu năm trăm ngàn đồng*).

- Bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc H số tiền 500.000.000 đồng (*năm trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

## 2/. Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự;

- Buộc ông Nguyễn Anh T phải nộp lại số tiền 80.000.000 đồng (*tám mươi triệu đồng*) để hoàn trả cho bà Lê Thị L, ông Phó Đức Th và nộp lại số tiền 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*) để hoàn trả cho bà Đặng Thị H1.

- Buộc ông Phạm Văn Nh nộp lại số tiền 308.500.000 đồng (*ba trăm lẻ tám triệu năm trăm ngàn đồng*) để hoàn trả cho bà Lê Thị L, ông Phó Đức Th.

- Buộc ông Trần Trường S phải nộp lại số tiền 723.000.000 đồng (*bảy trăm hai mươi ba triệu đồng*) để hoàn trả cho bà Lê Thị L, ông Phó Đức Th.

- Buộc ông Trần Hữu V phải nộp lại số tiền 550.000.000 đồng (*năm trăm năm mươi triệu đồng*) để hoàn trả cho bà Lê Thị L, ông Phó Đức Th.

- Buộc ông Lương Văn Ch và bà Bùi Bích H2 phải nộp lại số tiền 400.000.000 đồng (*bốn trăm triệu đồng*) để hoàn trả cho bà Đặng Thị H1.

- Các khoản tiền trên được khấu trừ vào số tiền buộc bị cáo Phan Thị H phải bồi thường cho bà Lê Thị L, ông Phó Đức Th và bà Đặng Thị H1.

3/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

## 4/. Án phí dân sự phúc thẩm:



Ông Phạm Văn Nh phải chịu 300.000 đồng; khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000382 ngày 30/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ông Nguyễn Anh T phải chịu 300.000 đồng; khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000383 ngày 30/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bà Bùi Bích H2, ông Lương Văn Ch phải chịu 300.000 đồng; khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000384 ngày 30/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ông Trần Hữu V, bà Lê Thị Minh Ng phải chịu 300.000 đồng; khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000385 ngày 31/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Hoàn trả cho bà Đặng Thị H1 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000380 ngày 30/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Hoàn trả cho bà Lê Thị L, ông Phó Đức Th 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000381 ngày 30/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

5/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6/. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Các Thẩm phán**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Hồ Thị Thanh Thúy**

**Phan Tô Ngọc**

**Hoàng Thanh Dũng**